

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/05/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Võ Tấn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16/05/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là bà Đinh Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Văn N xây dựng hôn nhân vào đầu năm 1999 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng bà là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau. Quá trình chung sống ông bà có 03 người con chung gồm:

Phạm Ngọc Hà, sinh năm: 2000; Phạm Ngọc Diệp, sinh năm: 2003; Phạm Ngọc Hân, sinh ngày: 16/10/2012. Hiện tại cháu Hà và cháu Diệp đã trưởng thành và có cuộc sống riêng còn đối với cháu Hân đang sống với bà; Về tài sản chung: Hai vợ chồng bà có tạo lập được 01 căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu; Về nợ chung: Hai vợ chồng bà không có nợ chung. Bà Đinh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N; Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Phạm Ngọc Hân cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; Nợ chung không có nên không yêu cầu.

Ngày 14/03/2025 bà Đinh Thị T có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, lý do là hai vợ chồng bà đã thỏa thuận được với nhau.

Về phía bị đơn là ông Phạm Văn N trình bày: Ông và bà Đinh Thị T xây dựng hôn nhân vào đầu năm 1999 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau. Quá trình chung sống ông bà có 03 người con chung gồm: Phạm Ngọc Hà, sinh năm: 2000; Phạm Ngọc Diệp, sinh năm: 2003; Phạm Ngọc Hân, sinh ngày: 16/10/2012. Hiện tại cháu Hà và cháu Diệp đã trưởng thành và có cuộc sống riêng còn đối với cháu Hân đang sống với bà T; Về tài sản chung: Hai vợ chồng ông có tạo lập được 01 căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu; Về nợ chung: Hai vợ chồng ông không có nợ chung. Nay bà Đinh Thị T yêu cầu ly hôn; Yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con; Nợ chung không có không yêu cầu; Tài sản chung không yêu cầu thì ông đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận: Về hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Đinh Thị T và ông Phạm Văn N; Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Hân, sinh ngày: 16/10/2012 cho bà Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Đinh Thị T không yêu cầu; Ông Phạm Văn N được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở; Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đinh Thị T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng đối với tài sản là 01 căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng là 01 căn

nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu; Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét; Về chi phí thẩm định, định giá tài sản; Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Đinh Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung của vợ chồng giữa nguyên đơn là bà Đinh Thị T và bị đơn là ông Phạm Văn N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại tòa, nguyên đơn là bà Đinh Thị T và bị đơn là ông Phạm Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đinh Thị T và ông Phạm Văn N đều thống nhất ông bà có xây dựng hôn nhân gia đình vào đầu năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T và ông N sống với nhau vào năm 1999 là hoàn toàn có thật, điều này đã được bà T và ông N thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, bà T và ông N không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận nên không công nhận bà T và ông N là vợ chồng.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Bà T và ông N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 03 người con chung gồm: Phạm Ngọc Hà, sinh năm: 2000; Phạm Ngọc Diệp, sinh năm: 2003; Phạm Ngọc Hân, sinh ngày: 16/10/2012. Hiện tại cháu Hà và cháu Diệp đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu; đối với cháu Hân đang sống với bà T, bà T yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu Hân. Xét thấy cháu Hân đang sinh sống ổn định với bà T đồng thời việc giao cháu Hân cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cũng phù hợp với nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ của cháu Hân nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hân của bà T. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hân do bà T không có yêu cầu. Ông N được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà Đinh Thị T và ông Phạm Văn N thống nhất xác định quá trình chung sống hai vợ chồng ông bà có tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, bà Đinh Thị T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên ngày 14/03/2025 bà Đinh Thị T có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu

A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nêu trên với lý do là hai vợ chồng bà đã thỏa thuận được với nhau. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung đối với khối tài sản chung nêu trên của bà T và ông N.

[2.4] *Về nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Chi phí thẩm định, định giá tài sản**: Bà Đinh Thị T đã dự nộp 6.228.001 đồng và đã chi phí hết, không hoàn lại.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch*: Bà Đinh Thị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Đinh Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005208 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà Đinh Thị T còn được nhận lại 3.350.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[5] *Đối với phần đề nghị của Viện Kiểm sát*: Đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 14; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đinh Thị T và ông Phạm Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Hân, sinh ngày: 16/10/2012 cho bà Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Đinh Thị T không yêu cầu; Ông Phạm Văn N được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đinh Thị T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng đối với tài sản là 01 căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng là 01 căn nhà cấp 04 bao gồm cả đất diện tích chiều ngang 07m; Dài 46m đất tọa lạc tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

5. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Đinh Thị T đã dự nộp 6.228.001 đồng và đã chi phí hết, không hoàn lại.

6. Về án phí: Bà Đinh Thị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Đinh Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005208 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà Đinh Thị T còn được nhận lại 3.350.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

7. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu A
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ NAM